TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số 24/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 11 - 2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh
Ông Trương Văn Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng Hạnh, Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Trí Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TBTL-TA ngày 24/9/2018 về "Ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2018/HNGĐ-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 03/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐPT ngày 23/10/2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 13/2018/QĐPT ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn VK, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, thôn MX, thị trấn AT, huyện AT, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ liên hệ: Số 75/7 đường TX, phường TN, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Hán TH, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: Số 13T đường YB, Phường C, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Địa chỉ liên hệ: Số 127 đường Mạc Đĩnh Chi, Phường C, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn VK trình bày:

Ông và bà Hán TH tự nguyện tìm hiểu nhau và có tổ chức đám cưới vào tháng 10/2006 và chung sống như vợ chồng từ đó cho đến nay. Do thời điểm đó hai người không có hộ khẩu tại thành phố X và vì đường xá xa xôi nên Ông Bà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu hai người sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do từ khi sinh con thứ hai bà TH thay đổi tính tình không còn quan tâm đến chuyện sinh hoạt vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau trong các công việc của gia đình.

Đến ngày 25-11-2017 bà TH lấy tiền trong nhà và tự ý đưa hai con bỏ ra ngoài sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân Ông và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo bà TH quay về nhà để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà TH không chịu quay về. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn bà TH.

+ Về con chung: Ông, Bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn GB, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 17-4-2016. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà TH luôn ngăn cản thậm chí còn có lời nói xúc phạm, đe dọa khi ông đến thăm nom, chăm sóc các con. Hiện nay, bà TH không có chỗ ở ổn định đang phải thuê nhà, công việc không ổn định, thu nhập thấp nên bà TH nuôi cả hai con thì không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt được. Trong khi đó, hiện nay Ông có chỗ ở ổn định, công việc thu nhập cao và có cha mẹ phụ giúp trong việc chăm sóc con. Vì vậy, có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Tuy nhiên, do hiện nay cháu ĐT dưới 36 tháng tuổi thì theo quy định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi nên Ông nhường quyền nuôi cháu ĐT cho bà TH còn ông nuôi cháu GB.

+ Về cấp dưỡng nuôi con, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Bị đơn bà Hán TH trình bày:

Bà xác định về cuộc sống chung của vợ chồng đúng như ông VK đã trình bày. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khi bà sinh cháu Nguyễn GB thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi sinh con thì ông VK tự mở công ty và nhận được nhiều mối làm ăn nên thường xuyên đi biển, thời gian từ ba tuần trở lên. Trong khoảng thời gian ông VK vắng nhà thì bà phải thay ông VK gánh vác các công việc trong

công ty và cả công việc trong gia đình, chăm sóc con cái. Mặc dù thấy bà vất vả nhưng ông VK không những không động viên, chia sẻ mà còn có lời nói xúc phạm, coi thường bà. Ông VK còn có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Vì vậy, ngày 25-11-2017 bà đưa hai con bỏ ra ngoài sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay, ông VK yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý.

+ Về con chung: Bà xác định Ông Bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn GB, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 17-4-2016. Từ khi bà sinh hai con đến nay thì một mình bà là người trực tiếp chăm sóc các con từ miếng ăn, giấc ngủ và cả khi các cháu ốm đau trong khi ông VK không phụ giúp bà bất cứ việc gì trong việc chăm sóc các con. Hiện nay, bà có công việc ổn định, thu nhập cao, chỗ ở tương đối ổn định. Ngoài ra bà có nhiều thời gian để chăm sóc các con hơn so với ông VK vì mặc dù ông VK có chỗ ở ổn định, thu nhập cao nhưng công việc rất bận rộn ngoài ra ông VK thường xuyên đi công tác ngoài biển, 01 năm đi biển khoảng 10 lần, mỗi lần đi từ 02 đến 03 tuần nên ông VK không có thời gian để chăm sóc các con. Vì vậy, Bà có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông VK cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản án Hôn nhân sơ thẩm số 93/2018/HNGĐ-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X đã Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn VK đối với bà Hán TH.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn VK và bà Hán TH.

2. Về con chung: Ông VK và bà TH có 02 (hai) con chung là Nguyễn GB, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 17-4-2016. Ông VK được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn GB; bà TH được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn ĐT. Ông VK và bà TH không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông VK và bà TH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/8/2018, bị đơn có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền nuôi con. Bị đơn được quyền nuôi 02 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về vụ án:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Về hôn nhân: Cấp sơ thẩm đã giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông VK và bà TH. Về nội dung này các đương sự đồng ý và không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị, đã có hiệu lực, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung: Xét thấy, tuy mức thu nhập của ông VK và bà TH là ngang nhau, nhưng ông VK có công việc làm thường xuyên phải đi biển, nên việc chăm sóc,nuôi dưỡng con là không đảm bảo. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với nhau do bà TH nuôi dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đề nghị hội đồng xét xừ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 93/2018/HNST ngày 17/8/2018 của TAND thành phố X về phần tranh chấp quyền nuôi con. Giao cho bà TH được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con Nguyễn GB, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 17-4-2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà TH không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn VK yêu cầu ly hôn với bà Hán TH. Các đương sự có địa chỉ cư trú tại thành phố X. Căn cứ Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Về hôn nhân: Các bên đều đồng ý với quyết định của án sơ thẩm nên không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị, nên cấp phúc thẩm không xem xét lại đối với nội dung này.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn VK và bà Hán TH có 02 con chung là Nguyễn GB, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 17-4-2016. Bà TH có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu ông VK cấp dưỡng nuôi con. Ông VK có nguyện vọng nuôi cháu Gia Bảo và nhường quyền nuôi cháu Đức Trung cho bà TH.

Xét về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông VK và bà TH, nhận thấy: Hiện nay, mức thu nhập bình quân của ông VK khoảng 20.000.000đồng/tháng còn của bà TH cũng khoảng 20.000.000đ/tháng. Về chỗ ở thì ông VK hiện đang sinh sống tại nhà riêng số 75/7 TX, phường TN, TP.Vũng Tàu; bà TH và các con hiện đang thuê nhà ở tại số 127 Mạc Đĩnh Chi, Phường C, Tp. Vũng Tàu. Xét về điều kiện kinh tế thì ông VK và bà TH đều có mức thu nhập ngang nhau. Còn xét về điều kiện chỗ ở thì cả bà TH và ông VK đền có chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, để một đứa trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt thì điều kiện kinh tế và chỗ ở là chưa đủ mà cần rất nhiều tình yêu, sự quan tâm, chăm sóc của cả bố lẫn mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Gia Bảo cho ông VK và giao cháu Đức Trung cho bà TH chăm sóc nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông VK và bà TH không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông VK và bà TH không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã tính đúng nên không xem xét lại.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà TH phải chịu toàn bộ 300.000đồng.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 93/2018/HNST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X về phần tranh chấp quyền nuôi con.

- Căn cứ Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn VK đối với bà Hán TH.

1. Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn GB, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn ĐT, sinh ngày 17-4-2016. Ông Nguyễn VK được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn GB; bà Hán TH được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn ĐT.

2.Về cấp dưỡng nuôi con: Ông VK và bà TH không yêu cầu giải quyết.

Ông VK và bà TH có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định nên không xem xét lại.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà TH phải chịu 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004334 ngày 27-8-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố X. Bà TH đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/11/2018).

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đoàn Ngọc Thiện